TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/7/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Tại và bà Nguyễn Thị Huyền.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST-HN&GĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm 1997; nơi ĐKTT: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn C; sinh năm 1996; địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2024, bản tự khai và Biên bản lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 06/7/2018 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Kể từ khi kết hôn thì cuộc sống diễn ra bình thường được 01 năm thì đến năm 2019 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không tu chí làm ăn, không thương vợ con, anh C sử dụng ma túy. Mặc dù đã được chị T khuyên anh C nhiều nhưng không thay đổi. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên đến tháng 01/2020 chị T đã không còn chung sống với anh C. Đến nay thấy rằng không còn tình cảm với anh C, không thể kéo dài mối quan hệ hôn nhân với anh C thêm được nữa, vì vậy chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có 01 con chung là: Lò Thị Hà G; sinh ngày 06/02/2016. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; nên có đơn đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn C. Quá trình tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải chị T có mặt, anh C vắng mặt. Sau khi mở phiên họp Tòa án đã thông báo kết quả việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ cho anh C theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại chính quyền bản C, xã C: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C có sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn xây dựng gia đình. Quá trình giải quyết anh Lò Văn C vắng mặt tại nơi cư trú; đi đâu làm gì không báo với chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn C; giao con chung là Lò Thị Hà G; sinh ngày 06/02/2016 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Thuân là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; do đó đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thuân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị T với anh Lò Văn C; thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh C có nơi ĐKTT tại bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 27/6/2024, anh C vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa 19/7/2024, anh C vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc đưa ra xét xử vắng mặt của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C đăng ký kết hôn ngày 06/7/2018 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn trên cơ sở tự nguyện; không ai ép buộc; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn; nên có thể xác định hôn nhân của chị Thuân và anh C là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải cho các đương sự quay về đoàn tụ, nhưng anh C không có mặt để tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho chị T và anh C đoàn tụ. Qua các tài liệu, chứng cứ HĐXX nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh C đã có rạn nứt, nguyên nhân do C sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn; không còn hạnh phúc, đến nay vợ chồng đã sống ly thân được một khoảng thời gian dài, khi sống ly thân không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn C.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có 01 con chung là: Lò Thị Hà G; sinh ngày 06/02/2016. Xét nguyện vọng của chị T, anh C không có ý kiến về nuôi con và cháu G có nguyện vọng được ở với mẹ thì thấy: Để cháu cháu G có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận về yêu cầu giao nuôi con chung của chị T. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, xét thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị T có đơn đề nghị miễn án phí; vì vậy chị T đủ điều kiện được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Thị Hà G; sinh ngày 06/02/2016 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền **Quàng Văn Tại**

Lương Thị Nga